Mẫu 27-HS

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:93/2018/HSST
Ngày: 21/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN

- ***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh;

2. Ông Nguyễn Văn Duẩn;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:* Bà Vi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2018,tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2018/HSST ngày 18/5/2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/QĐXX-ST ngày 12/6/2018 đối với bị cáo: **Lý Thị D**; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1988, tại: PL – ĐT - TN; trú tại: xóm S, xã PL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Sán chí; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Văn T và bà La Thị H có chồng là Nguyễn Đức Kh, vợ chồng có 02 con chung, tiền án: Không,tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện bị cáo đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Bị hại:

1- Anh Đồng Quang Th, sinh năm 1985;
Trú tại**:** xóm C, xã BX, Thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt);
2- Anh Dương Văn Kh, sinh năm1985;
Trú tại: xóm C Th, xã HT, Thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có mặt);
3- Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1981;
Trú tại: Tổ dân phố ĐT, phường BB, Thị xã PY, Thái Nguyên (có mặt);
4- Anh Dương Văn Kh1, sinh năm 1986;
Trú tại: xóm CT, xã HT, Thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

5- Anh Dương Văn H, sinh năm 1988;
Trú tại: xóm G, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên (có mặt);
6- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972;
Trú tại: xóm H, xã HT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có mặt);
7- Chị Dương Thị M, sinh năm 1969;
Trú tại: Tổ dân phố 2, phường TL, Thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt);
8- Anh Dương Nghĩa H, sinh năm 1991;
Trú tại: xóm N, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên (có mặt);
9- Anh Dương Công V, sinh năm 1987;
Trú tại: xóm G, xã Xp, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 16/9, 18/9 và ngày 21/9/2017 Đồn Công an khu công nghiệp Yên Bình thị xã Phổ Yên nhận được đơn trình báo của: anh Đồng Quang Th; anh Dương Văn Kh; anh Hoàng Văn Q; anh Dương Văn Kh2; anh Dương Văn H; chị Nguyễn Thị T; chị Dương Thị M; anh Dương Nghĩa H, tố cáo trình báo về việc Lý Thị D có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau khi tiếp nhận đơn, đồn Công an khu công nghiệp Yên Bình tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên để tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định như sau: Khoảng từ tháng 8 năm 2018 Lý Thị D xuống khu công nghiệp Yên Bình, thuộc phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên với mục đích nộp hồ sơ để xin việc vào công ty Sam Sung. Trong khi chờ xin việc D có thuê trọ tại gia đình chị Dương Thị M ở Tổ dân phố 2, phường TL, thành phố Thái Nguyên. Do bản thân đang nợ tiền của nhiều người và không có tiền chi tiêu cá nhân, nên D đã nảy sinh ý định lừa đảo chiến đoạt tài sản. D có nói dối với chị M là D đang làm tại Phòng hành chính nhân sự của Công ty điện tử Sam Sung Thái Nguyên và D có khả năng xin việc làm cho những ai có nhu cầu muốn xin vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Sam Sung Electronics Việt Nam, Thái Nguyên viết tắt là (SEVT). Để tạo lòng tin cho những người đưa tiền nhờ D xin việc, D đến quán Photocopy tại khu vực ga Đồng Quang thuộc Thành Phố Thái Nguyên để làm hợp đồng lao động giả để ký kết với nhà máy Sam Sung và làm thẻ ra vào cổng Công ty điện tử Sam Sung để đưa cho những người nhờ D xin việc, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 8 năm 2017, do tin tưởng D nói là thật nên chị M đồng ý nhờ D xin việc cho anh Dương Công V là cháu chị M vào làm lái

xe trong Công ty Sam Sung. D nói với chị M chi phí cổ phần xe vào công ty là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và xin cho anh V vào làm lái xe là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Sau đó anh V đưa tiền cho chị M số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để chị M chuyển cho D. Tại khu công nghiệp Yên Bình chị M đã đưa cho D 25.000.000đồng, ngày 21/8/2017 tại khu công nghiệp Yên Bình, thị xã Phổ Yên, D đưa cho anh V ký vào một bản hợp đồng lao động (giả) với nhà máy Sam Sung và hẹn "*khi nào chị gọi điện thì sang làm*" sau đó đến ngày 28/8/2017 anh V được D gọi điện thoại nói đã làm xong thẻ (của Công ty Sam sung để đi làm) và hẹn anh V đến Khu công nghiệp Điềm Thụy để nhận thẻ. Khi anh V đến nhận thẻ thì D yêu cầu anh V nộp thêm số tiền 2.500.000đ nhưng anh V không nộp mà yêu cầu D trả lại toàn bộ số tiền 25.000.000đ mà anh V đã đưa cho chị M chuyển cho D. D không trả lại tiền cho anh V. Về phía chị M khi thấy có sự nghi ngờ bị D lừa đảo, do chị M là người trực tiếp nhận tiền của anh V để đưa cho D, nên chị M đã trả lại số tiền 25.000.000đ cho anh V, anh V đồng ý không đề nghị gì, còn chị Nguyễn Thị M yêu cầu D trả lại số tiền 25.000.000đ.

Lần thứ hai: Vào khoảng giữa tháng 8/2017 anh Dương Văn H, được anh V giới thiệu Lý Thị D có thể xin cho anh H vào làm lái xe trong công ty điện tử Sam Sung, Thái Nguyên. Sau đó anh H trực tiếp gọi điện thoại cho D để trao đổi đặt vấn đề xin vào làm lái xe chở rác cho công ty điện tử Sam sung. D đồng ý và tự giới thiệu D đang làm việc tại phòng nhân sự của Công ty Sam Sung, Thái Nguyên và có thể nhận hồ sơ xin cho anh H vào làm lái xe trong công ty, anh H đồng ý, D yêu cầu H phải nộp 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để D làm hồ sơ xin việc. Đến sáng ngày 23/8/2017 anh H gặp D tại khu công nghiệp Yên Bình, thị xã Phổ Yên, anh H đưa trước cho D số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Đến trưa cùng ngày, D gọi điện thoại cho anh H và nói anh phải nộp ngay 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để D chèn hồ sơ xin việc, anh H gặp D và đưa cho tiếp cho D 5.000.000đ (Năm triệu đồng), D cầm tiền và đưa cho anh H ký bản hợp đồng lao động (giả). Đến ngày 29/8/2017 D hẹn anh H đưa nốt số tiền còn lại để D hoàn tất hồ sơ, anh H đã đưa tiếp cho D 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và đưa thêm 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền giấy khám sức khỏe, sau đó được D đưa cho anh H 01 thẻ ra vào công ty Sam Sung và hẹn hôm sau đến làm việc. Đến ngày hẹn, anh H đến khu công nghiệp Yên Bình, thị xã Phổ Yên và gọi điện thoại cho cho D thì D lại hẹn Hòa sang ngày khác và yêu cầu H phải nộp thêm 2.000.000đ (Hai triệu đồng) với lý do đang có thanh tra kiểm tra. Do nghi ngờ bị D lừa nên anh H yêu cầu D trả lại tổng số tiền đã đưa cho D là 20.500.000đ và không yêu cầu xin việc nữa. D không trả lại tiền cho anh H. Sau đó anh H không liên lạc được với D nữa.

Lần thứ ba: Ngày 21/8/2017 anh Dương Nghĩa H, được bạn là Dương Công V giới thiệu Lý Thị D có thể xin được việc làm tại Công ty Sam Sung. Anh H đã xin số điện thoại và nhờ D xin vào làm lái xe trong Công ty điện tử Samsung. D đồng ý và bảo anh H phải nộp chi phí xin việc là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Đến ngày 22/8/2017 anh H đến khu vực cổng 3, nhà máy điện tử Sam sung Thái Nguyên để gặp D thì được D đưa cho (02 hợp đồng lao động) để H ký kết. Theo yêu cầu của D, anh H đưa cho D 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là tiền đặt cọc xin việc và D hẹn ngày 23/8/2017 đến Công ty để lái xe thử, đến ngày hẹn D nhắn tin điện thoại thông báo cho anh H do trời mưa nên không cho xe ra lái thử được, đến chiều ngày 28/8/2017 D yêu cầu anh H nộp tiếp cho D 3.000.000đ (Ba triệu đồng), đến ngày 29/8/2017 anh H lại tiếp tục đưa cho D 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền khám sức khỏe. Sau khi nhận tiền D không xin việc cho H mà chiếm đoạt tổng số tiền của H là 25.500.000đ.

Lần thứ tư: Khoảng 11^h ngày 03/9/2017 chị Nguyễn Thị T, gặp Lý Thị D tại ghế đá nhà xe (ở cổng Đông của Công ty Sam sung- Thái Nguyên) trên tay D cầm 01 tập giấy có tiêu đề là Hợp đồng xin việc, thấy vậy chị T hỏi thì D trả lời "*đang làm việc tại văn phòng của Công ty Sam sung và có thể xin việc được tại Công ty điện tử Sam sung*", thấy D nói vậy, chị T nhờ D xin vào Công ty Sam sung để xin làm quét dọn vệ sinh trong Công ty, D đồng ý và bảo chị T phải đưa cho D 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để xin việc và bảo chị T chuẩn bị chứng minh thư nhân dân và ảnh thẻ để làm hồ sơ. Sau đó D gọi điện cho chị T và bảo chị T nếu tìm được thêm người thì D chỉ lấy 5.000.000đ (Năm triệu đồng) hai người. Đến khoảng 14^h cùng ngày do không có đủ tiền, khi gặp D chị T chỉ đưa cho Dung 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và hẹn khi xin được việc sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại. Sau đó D không xin việc cho T mà chiếm đoạt số tiền 1.500.000đ(*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) của chị T.

Lần thứ năm: Khoảng đầu tháng 9/2017 anh Dương Văn Kh, được chị Nguyễn Thị T (em ruột của mẹ anh Kh) giới thiệu Lý Thị D có thể xin được việc vào Công ty điện tử Samsung. Do có nhu cầu làm lái xe ô tô nên anh Kh đã gọi điện thoại trao đổi với D đặt vấn đề xin làm lái xe trong công ty điện tử Sam sung. D đồng ý và bảo anh Kh chi phí xin việc là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Ngày 06/9/2017 D hẹn gặp anh Kh tại cổng số 03 Công ty điện tử Sam sung (SEVT), anh Kh đưa trước cho D 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), D viết giấy nhận tiền với anh Kh. Đến ngày 07/9/2017 anh Kh đi cùng Hoàng Văn Q và Dương Văn Kh đến cổng số 03 Công ty điện tử Sam sung để đưa nốt số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) còn lại cho D. Sau đó D cho anh Kh ký kết hợp đồng (giả) xong và hẹn hôm sau anh Kh đến để đi làm. Do trong quá trình nói

chuyện với D, anh Kh tin tưởng D xin được việc làm nên giới thiệu cho anh Hoàng Văn Q và anh Dương Văn Kh đi cùng để hỏi D. D đồng ý xin làm lái xe nâng cho anh Q với chi phí 10.000.000đ (Mười triệu đồng), anh Q đồng ý và đưa cho D số tiền 10.000.000đồng và xin cho anh Kh lái xe chở công nhân với chi phí 22.000.000đ (Hai nươi hai triệu đồng), anh Kh đã đưa cho D số tiền là 22.000.000đồng. Sau khi nhận tiền của anh Kh, anh Q và anh Kh, D không xin việc cho các anh mà đã dùng số tiền chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ sáu: Ngày 09/9/2017 anh Đồng Quang Th, gọi điện thoại cho Dương Văn Kh để hỏi thăm về công việc. Quá trình nói chuyện, anh Kh đã nói với anh Th đang nhờ Lý Thị D xin vào làm việc tại Công ty điện tử Samsung. Khi đó anh Th đã nhờ anh Kh hỏi xin cho anh Th cho xe ô tô của mình vào chạy linh kiện trong Công ty điện tử Samsung. Anh Kh đã gọi điện cho D, Dung đồng ý và hẹn anh Th ngày 10/9/2017 đến khu công nghiệp Yên Bình để trao đổi công việc. Khi gặp D thì D yêu cầu anh Th chuẩn bị ảnh, chứng minh thư nhân dân của người lái xe và giấy tờ xe ô tô để làm hợp đồng và yêu cầu đặt cọc trước 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Do không mang đủ tiền nên Th mới đưa cho D 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và đến chiều cùng ngày, anh Th đã đưa tiếp số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho D, Dung viết giấy nhận tiền của anh Th. Tại đây D đã đưa cho anh Th 01 (một) thẻ nhân viên mang tên Trần Hải N là lái xe và cho anh Th ký kết vào hợp đồng cổ phần xe và hẹn đến ngày 11/9/2017 mang xe đến công ty để làm việc. Đến ngày hẹn anh Th mang xe đến khu công nghiệp Yên Bình và gọi cho D nhưng D lại yêu cầu anh Th phải nộp thêm 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để đưa cho thanh tra. Do nghi ngờ D lừa mình nên anh Th yêu cầu D trả lại tiền và không xin việc nữa. Sau đó anh Th không liên lạc được với D, D đã không xin việc cho anh Th và dùng số tiền 30.000.000đồng để chi tiêu cho bản thân.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên đã tiến hành thu giữ: 05 giấy nhận tiền của các bị hại; 01 hợp đồng cổ phần xe; 04 thẻ ra vào của Công ty điện tử Sam sung Thái Nguyên; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 của Lý Thị D.

Ngày 23/11/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên đã trưng cầu giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên giám định chữ ký và chữ viết trên các "*Giấy nhận tiền*"; "*Giấy vay tiền"* do Lý Thị D viết khi nhận tiền của 08 (tám) người bị hại để xin việc. Tại bản kết luận giám định số 50/KL-PC54 ngày 27/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: *Tất cả những chữ viết và chứ ký mang tên Lý Thị D trên tài liệu đó đều do Lý Thị D viết và ký ra*.

Quá trình điều tra Lý Thị D đã khai nhận hành vi phạm tội, bản thân D không có khả năng xin việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Sam Sung Electronics Việt Nam, Thái Nguyên (SEVT) nhưng vẫn đưa ra thông tin xin được việc làm để những người bị hại gồm anh Th; anh Kh; anh Q; anh Kh1; anh Văn H; chị Nguyễn Thị T; chị Dương Thị M; anh H, anh V tin tưởng giao tiền cho D. Tổng số tiền D chiếm đoạt được là 152.500.000đ (*một trăm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn*) D đã sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại chị Dương Thị M,Nguyễn Thị T, Dương Văn Kh, Dương Nghĩa H, Hoàng Văn Q, Dương Văn H, Dương Văn Kh, Đồng Quang Th yêu cầu Lý Thị D bồi thường trả lại số tiền D đã chiếm đoạt.

Bản cáo trạng số 63/CT-VKSPY ngày 17/5/2018 của Viện kiểm sát nhân nhân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lý Thị D về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo Lý Thị D đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt Lý Thị D từ 04 năm tù đến 05 năm tù.

* Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo D.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo D có trách nhiệm bồi thường cho chị M số tiền 25.000.000đ, anh H 20.500.000đ, anh H1 25.500.000đ, chị T 1.500.000đ, anh Kh 18.000.000đ, anh Q 10.000.000đ anh Kh 22.000.000đ, anh Th 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*)

* Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 04 thẻ ra vào của Công ty điện tử Sam Sung Thái Nguyên; tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7(đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo D.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo thừa nhận việc truy tố và xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Lời nói cuối cùng của bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉTXỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã PY, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay anh Th và chị M vắng mặt. Tuy nhiên anh Th và chị M đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên tòa. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự cần xét xử vắng mặt anh Th và chị M.

[2] Về Điều luật truy tố đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 trước thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. So sánh khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 có khung hình phạt cao nhất đến 07 năm tù bằng với khung hình phạt cao nhất quy định tại khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999.

Do đó Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY đề nghị áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999 để truy tố, xét xử đối với bị cáo là phù hợp.

[3] . Về hành vi phạm tội của bị cáo.

Lời khai của bị cáo tại phiên toà là khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, với vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Do bản thân mắc nợ nhiều, không có tiền để chi trả các khoản nợ và chi tiêu cho cá nhân. D đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể trong khoảng cuối tháng 8, đầu tháng 9/2017, tại Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Lý Thị D đã có hành vi đưa ra thông tin giả về việc mình có khả năng xin việc làm tại Công ty Sam Sung đóng trên địa bàn phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, để lừa đảo các bị hại gồm: chị Dương Thị M, anh Dương Công V, chị Nguyễn Thị T, anh Dương Văn Kh, anh Dương Nghĩa H, anh Hoàng Văn Q, anh

Dương Văn H, anh Dương Văn Kh1 và anh Đồng Quang Th để chiếm đoạt tổng số tiền là 152.500.000đ (*một trăm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn)*. Sau khi nhận được số tiền trên D không xin việc mà dùng để chi tiêu cho bản thân và trả nợ hết. Đến nay D chưa trả lại tiền cho bị hại.

Hành vi, ý thức của Lý Thị D đã đủ yếu tố cấu thành tội: " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999. Bản cáo trạng số 63/CT-VKSPY ngày 17/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung Điều 139 BLHS năm 1999 quy định:

"1. Người nào dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a)...

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng".

[4] *Xét tính chất vụ án*: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để giáo dục bị cáo và để răn đe phòng ngừa chung.

[5] *Xét nhân thân bị cáo*: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, chưa có tiền án, tiền sự. Do không chịu rèn luyện bản thân, đua đòi, rồi dẫn đến việc mắc nợ nần nhiều, cũng chính từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

[6] *Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[7]. Về hình phạt: Bị cáo phạm tội nghiêm trọng, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại, rồi bằng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tài sản của nhiều người với số tiền 152.500.000đồng, sau đó dùng số tiền mang đi trả nợ, chi tiêu cho bản thân hết, đến nay vẫn không trả lại tiền cho bị hại. Thể hiện bị cáo là người thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì

vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo bị cáo thành công dân tốt.

Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã chiếm đoạt của chị M số tiền 25.000.000đ, anh H 20.500.000đ, anh H1 25.500.000đ, chị T 1.500.000đ, anh Kh 18.000.000đ, anh Q 10.000.000đ anh Kh1 22.000.000đ, anh Th 30.000.000đ. Đến nay bị cáo chưa trả lại số tiền cho các bị hại. Nay cần buộc bị cáo có trách nhiệm hoàn trả cho bị hại toàn bộ số tiền trên. Đối với số tiền của anh V. Tại phiên tòa anh V khẳng định đã nhận đủ số tiền nhờ chị M để đưa cho D xin việc hộ, anh V không có yêu cầu gì thêm, nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[9]. Vật chứng của vụ án thu giữ gồm: 04 thẻ ra vào của Công ty điện tử Sam Sung Thái Nguyên. Đây là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng. Cần tịch thu để tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7(đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo D. Chiếc điện thoại này bị cáo dùng vào việc phạm tội. Nay cần tịch thu để sung quỹ Nhà Nước.

[10] .Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 135,136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[2. Các hành vi khác: Trong vụ án này ngoài số tiền 25.000.000đ D chiếm đoạt của chị Dương Thị M bị cáo D còn vay chị M số tiền 20.000.000đ và 4.500.000đ tiền thuê nhà nghỉ chưa trả cho chị M. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo D nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý. Nếu chị M có yêu cầu thì có quyền làm đơn yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Lý Thị D** phạm tội: " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Về hình phạt:

Hình phạt chính: Áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Lý Thị D 04 (bốn năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo D.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 357,468 584,585,5865,589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Lý Thị D phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị Dương Thị M số tiền 25.000.000đ (hai mươi triệu đồng), anh Dương Văn H 20.500.000đ (hai mươi triệu lăm trăm nghìn đồng), anh Dương Nghĩ H1 25.500.000đ (hai mươi lăm triệu lăm trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị T 1.500.000đ (một triệu lăm trăm nghìn đồng), anh Dương Văn K 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), anh Hoàng Văn Q 10.000.000đ (mười triệu đồng), anh Dương Văn Kh1 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng), anh Đồng Quang Th 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo D không thi hành được khoản tiền bồi hoàn trên. Bị hại có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị cáo D phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999; Điều 106 BLTTHS 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy: 04 thẻ ra vào của Công ty điện tử Sam Sung Thái Nguyên.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7(đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo D.

(Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Phổ Yên với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên ngày 14 tháng 6 năm 2018.

3. Về án phí: Căn cứ điều 135, 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lý Thị D phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 7.600.000đồng án phí dân sự để sung quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331,333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Thị Thu Thủy

Nơi nhận
- Bị cáo;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên;
- THAHS;
- CCTHAdân sự thị xã Phổ Yên;
- UBND xã PL;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.